

Bản án số: 30/2024/KDTM-ST
Ngày 26-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng
dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Thúy Lan.
- Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 59/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T1; có địa chỉ: Số B khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị T; chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH D; có địa chỉ: Lô A, khu A, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị H; chức vụ: Nhân viên Công ty, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Ngày 16/7/2022, Công ty TNHH T1 ăn công nghiệp Lộc An B (gọi tắt Công ty T1) và Công ty TNHH D (gọi tắt Công ty D) có ký Hợp đồng cung cấp suất ăn công

nghiệp số: 7/2022/ĐTH-LBA về việc cung cấp suất ăn công nghiệp. Căn cứ Điều 2 của hợp đồng về “Phương thức thanh toán”, hai bên đối chiếu công nợ vào ngày cuối hàng tháng, hình thức thanh toán chuyển khoản, chứng từ thanh toán bao gồm hóa đơn tài chính, văn bản đề nghị thanh toán, bảng đối chiếu số lượng suất ăn của Công ty T1 và thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, Công ty D nhiều lần báo chậm thanh toán công nợ, không thực hiện theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Công ty D không thanh toán công nợ từ tháng 02/2023 đến tháng 07/2023, dẫn đến việc Công ty T1 gặp khó khăn trong việc thanh toán cho các nhà cung cấp thực phẩm. Ngày 31/5/2023, Công ty T1 có gửi công văn số 04/CV-LAB về việc đề nghị Công ty D thanh toán công nợ suất ăn công nghiệp từ tháng 02 đến tháng 4/2023 với tổng số tiền 322.322.000 đồng. Tuy nhiên Công ty D xin hẹn thanh toán chậm.

Ngày 03/7/2023, Công ty T1 có gửi công văn số 05/CV-LAB về việc đề nghị Công ty D thanh toán công nợ suất ăn công nghiệp từ tháng 02 đến tháng 5/2023 với số tiền 355.212.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty D chỉ thanh toán một phần, 04 đợt thanh toán với số tiền 100.000.000 đồng nên Công ty T1 đã báo cho Công ty D về việc ngừng cung cấp suất ăn kể từ ngày 05/7/2023, theo như điều khoản hợp đồng có quy định. Ngày 11/7/2023, Công ty T1 có gửi văn bản số 06/CV-LAB về việc đề nghị Công ty D thanh toán công nợ và xác nhận công nợ chưa thanh toán từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2023 với số tiền 292.947.200 đồng. Ngày 26/7/2023, Công ty D có gửi văn bản số 07/23ĐTH cho Công ty T1 trình bày Công ty D đang gặp khó khăn và cam kết thanh toán tiền com từ tháng 02/2023 đến 04/7/2023 trước ngày ngày 01/11/2023 với số tiền 292.947.200 đồng, đến ngày 27/11/2023, Công ty D chỉ thanh toán cho Công ty T1 được 03 đợt với tổng số tiền 50.000.000 đồng và đến ngày 10/01/2024 Công ty D tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 được số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 28/11/2023, đại diện Công ty T1 có liên hệ để gặp đại diện Công ty D để bàn hưởng giải quyết hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp. Tuy nhiên, đại diện Công ty D thoái thác, không tiếp, không thanh toán khoản nợ cho Công ty T1.

Vì vậy, Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty TNHH T1 ăn công nghiệp Lộc An B số tiền suất ăn công nghiệp từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023 là 237.947.200 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 7/2023 đến thời điểm xét xử (26/6/2024) với số tiền $237.947.200 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 21.811.827 \text{ đồng}$. Tổng cộng 259.760.059 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 7/6/2023, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Thông nhất với nguyên đơn về nội dung ký kết Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp số: 07/2022/ĐTH-LBA ngày 16 tháng 7 năm 2022 giữa Công ty TNHH T1 ăn công nghiệp Lộc An B với Công ty TNHH D. Công ty TNHH D xác nhận còn nợ Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B số tiền suất ăn công nghiệp từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023 là 237.947.200 đồng. Công ty TNHH D đang gặp khó khăn về tài chính, xin được miễn tiền lãi và trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho Công ty T1. Ngoài ra, không cung cấp chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Lô A, khu A, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp số: 07/2022/ĐTH-LBA ngày 16/7/2022 về việc cung cấp suất ăn công nghiệp được ký kết giữa Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B với Công ty TNHH D, là hợp đồng thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Thương mại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH D thừa nhận Công ty TNHH D còn nợ Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B tiền suất ăn công nghiệp từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023 với tổng số tiền 237.947.200 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn:

Tại Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp số: 07/2022/ĐTH-LBA ngày 16/7/2022 các bên không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do đó, mức lãi suất chậm thanh toán của bị đơn được tính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo thông báo lãi suất cho vay số 106/NHNo.DA ngày 26/3/2024 của Ngân hàng N là 7,5%/năm; thông báo lãi suất cho vay số 221/NBD.KT ngày 27/3/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 là 5,30%/năm, thông báo lãi suất cho vay số 127/CV-CNKCND-TH ngày 26/3/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần C là 9,0%/năm thì lãi suất nợ quá hạn trung bình là: $(6.5\%/năm + 5.30\%/năm + 9.0\%/năm) : 3 \times 150\% = 10.4\%/năm$. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền suất ăn công nghiệp chưa thanh toán, mức lãi suất yêu cầu là 10%/năm

(0,833%/ tháng) với số tiền 21.811.827 đồng, là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu án phí trên số tiền trả cho Công ty TNHH T1 ăn công nghiệp Lộc An B theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B đối với bị đơn Công ty TNHH D về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” .

- Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán cho Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B số tiền cung ứng suất ăn công nghiệp còn nợ tính đến ngày 26/6/2024 là 259.760.759 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 237.947.200 đồng đồng và tiền lãi chậm thanh toán 21.811.827 đồng đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu 12.988.038 đồng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH T2 vụ suất ăn công nghiệp Lộc An B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.478.592 đồng theo biên lai thu tiền số 0004477 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

